

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HÌNH THỨC CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT KINH TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội)

Hà Nội, năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu đào tạo	1
1.3. Chuẩn đầu ra	2
PHẦN II. KHỐI LƯỢNG, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO.....	4
2.1. Khối lượng, cấu trúc và nội dung kiến thức toàn khóa.....	4
2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR	8
2.3. Thời gian đào tạo và dự kiến kế hoạch giảng dạy*	14
2.4. Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp CDR	19
2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần.....	22

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **LUẬT KINH TẾ**
 - Tiếng Anh: **ECONOMIC LAW**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Luật kinh tế**
- Mã số: **7380107**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Luật Kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Economic Law**

1.2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng có kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học pháp lý nói chung và pháp luật kinh tế nói riêng, có khả năng nghiên cứu và vận dụng pháp luật giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, có năng lực tự chủ, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng thích nghi với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có đạo đức nghề nghiệp, thượng tôn pháp luật; có tinh thần kỷ luật, ý thức phục vụ cộng đồng, đủ năng lực đảm nhận nhiều vị trí chuyên môn về pháp lý trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế trang bị cho sinh viên:

a) Về kiến thức:

PSO 1.1: Nắm vững kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội.

PSO 1.2: Nắm vững kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán làm nền tảng cho nghiên cứu, áp dụng pháp luật và mở rộng khả năng phát triển sang các ngành đào tạo khác của Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội và các trường thuộc khối ngành kinh tế.

PSO 1.3: Nắm vững kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý, kiến thức lý thuyết sâu rộng, kiến thức thực tế vững chắc về pháp luật kinh tế quốc gia và pháp luật kinh tế quốc tế.

b) Về kỹ năng:

PSO 2.1: Có kỹ năng nghiên cứu khoa học pháp lý, thành thạo kỹ năng thực hành nghề luật để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

PSO 2.2: Sử dụng thành thạo tiếng Anh, công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, hành nghề và hoàn thiện bản thân.

PSO 2.3: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, thành thạo kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết văn bản chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phản biện, kỹ năng tư vấn pháp luật, đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực thương mại.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PSO 3.1: Có ý thức rèn luyện sức khỏe, kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ người dân và cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, yêu cầu bảo đảm quốc phòng – an ninh.

PSO 3.2: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng; khả năng nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và học tập suốt đời.

1.3. CHUẨN ĐẦU RA

1.3.1. Về kiến thức

PLO 1.1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, kinh tế học, tâm lý, quản lý, tài chính – tiền tệ, kế toán, kiểm toán khi tiếp cận và luận giải các vấn đề liên quan đến ngành luật nói chung và ngành luật kinh tế nói riêng.

PLO 1.2: Vận dụng được kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, quy định pháp luật của các lĩnh vực luật cơ bản như: luật hiến pháp, pháp luật hành chính, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng, pháp luật quốc tế để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội.

PLO 1.3: Vận dụng được kiến thức pháp luật chuyên ngành luật kinh tế để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh – thương mại

1.3.2. Về kỹ năng

PLO 2.1: Tư duy phản biện, lập luận chặt chẽ, xây dựng được giải pháp pháp lý giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

PLO 2.2: Soạn thảo được hợp đồng thương mại, văn bản hành chính, văn bản có tính pháp lý phục vụ hoạt động nghề nghiệp.

PLO 2.3: Đánh giá được quy định pháp luật, chính sách pháp luật, đề xuất được giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực liên quan.

PLO 2.4: Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm hiệu quả.

PLO 2.5: Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và tham khảo tài liệu pháp lý chuyên môn ngành luật kinh tế; ứng dụng thành thạo công nghệ để trợ giúp cho nghiệp vụ, phục vụ công việc chuyên môn cũng như học tập để nâng cao tri thức.

1.3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO 3.1: Có ý thức rèn luyện sức khỏe, kỷ luật, trách nhiệm; tuân thủ đạo đức học tập và đạo đức nghề nghiệp, thượng tôn pháp luật; có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

PLO 3.2: Có khả năng đưa ra kết luận chuyên môn độc lập; khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng; khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao năng lực chuyên môn.

PHẦN II. KHỐI LƯỢNG, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

2.1. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

2.1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ

2.1.2. Cấu trúc kiến thức toàn khóa

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	42
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Khoa học xã hội, tin học	12
1.3	Ngoại ngữ	8
1.4	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh	11
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	13
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	26
2.3	Kiến thức chuyên ngành	37
2.4	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	6
2.5	Thực tập cuối khóa	4
2.6	Khóa luận tốt nghiệp	6
	Tổng cộng (1+2)	134

2.1.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (General Knowledge)	42	
		<i>Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	38	
1	DCB.03.11	Triết học Mác - Lênin	3	
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

4	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	
5	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
6	DCB.03.02	Logic học (Logic)	2	
7	DCB.02.07	Tâm lý học đại cương (General Psychology)	2	
8	DCB.05.11	Tin học 1 (Informatics 1)	2	
9	DCB.05.12	Tin học 2 (Informatics 2)	2	
10	DCB.04.06	Tiếng Anh 1 (English 1)	4	
11	DCB.04.07	Tiếng Anh 2 (English 2)	4	
12		<i>Giáo dục thể chất (Physical Education)</i>	3	
	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	
13		<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh (National Defense and security education)</i>	8	
	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng CS Việt Nam	3	
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2	
	DCB.01.03	Quân sự chung và Kỹ chiến thuật bộ binh	3	
		<i>*Các học phần tự chọn (Optional courses)</i>	4	
14	DLKT.38.29	Xã hội học pháp luật (Legal Sociology)	2	Chọn 2 trong 3 học phần
15	DLKT.38.47	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và thuyết trình (Presentation skills)	2	
16	DLKT.38.45	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý (Legal Scientific Research Method)	2	
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	
		Kiến thức cơ sở khối ngành	13	
		<i>Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)</i>	<i>11</i>	
17	DLKT.38.01	Lý luận Nhà nước và pháp luật (State and Law Theory)	3	
18	DLKT.38.04	Luật Hiến pháp (Constitutional Law)	2	

19	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	
20	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
		<i>Các học phần tự chọn (Optional Courses)</i>	2	
21	DCB.02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
22	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2	
		Kiến thức cơ sở ngành	26	
23	DTN.02.07	Lý thuyết tài chính tiền tệ (Theory of finance and money)	3	
24	DKT.01.20	Nguyên lý kế toán (Theory of accounting)	3	
25	DKT.02.02	Kiểm toán căn bản (Auditing fundamentals)	2	
26	DQK.02.08	Quản trị học (Management studies)	2	
27	DCB.04.08	Tiếng Anh 3 (English 3)	4	
28	DTA.20.40	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (English for finance & banking - course 1)	4	
29	DTA.20.41	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2)	4	
30	DLKT.38.05	Luật Hành chính (Administrative Law)	2	
31	DLKT.38.28	Luật Dân sự - Những quy định chung (Civil Law – General Regulations)	2	
		Kiến thức chuyên ngành	37	
		<i>Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)</i>	31	
32	DLKT.38.30	Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng (Civil Law – Contract and Obligation)	4	
33	DLKT.38.31	Luật Doanh nghiệp (Corporate Law)	2	
34	DLKT.38.32	Pháp luật lao động (Labor Law)	2	
35	DLKT.38.34	Luật Thương mại (Commercial Law)	3	
36	DLKT.38.33	Luật Thương mại quốc tế (International Trade Law)	2	
37	DLKT.38.48	Luật Hình sự (Criminal Law)	3	
38	DLKT.38.15	Luật Tố tụng dân sự (Law on Civil Procedure)	2	

39	DLKT.38.13	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản (Law on Land and Real Estate Trading)	3	
40	DLKT.38.14	Pháp luật đầu tư và Cạnh tranh (Investment Law and Competition Law)	2	
41	DLKT.38.11	Luật Sở hữu trí tuệ (Law on Intellectual Property)	2	
42	DLKT.38.17	Luật Tố tụng hình sự (Law on Criminal Procedures)	2	
43	DLKT.38.10	Tư pháp quốc tế (International Private Law)	2	
44	DLKT.38.35	Pháp luật về khiếu nại hành chính và tố tụng hành chính (Law on Administrative Complaints and Administrative Proceedings)	2	
		<i>Các học phần tự chọn (Optional Courses)</i>	6	
45	DLKT.38.21	Luật Thuế (Tax Law)	2	Chọn 3 trong 7 học phần
46	DLKT.38.22	Pháp luật về các tổ chức tín dụng (Law on Credit Institutions)	2	
47	DLKT.38.36	Luật Kinh doanh bảo hiểm (Insurance Business Law)	2	
48	DLKT.38.37	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu (Law on Custom and Import and Export)	2	
49	DLKT.38.38	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Law on Securities and Securities market)	2	
50	DLKT.38.39	Pháp luật về giao dịch bảo đảm (Law on secured transactions)	2	
51	DLKT.38.40	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế (International Arbitration Law)	2	
		Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	6	
		<i>Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)</i>	4	
52	DLKT.38.41	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại (Skills in negotiating and drafting Commercial contracts)	2	
53	DLKT.38.46	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật (Drafting Legal Documents Skills)	2	
		<i>Các học phần tự chọn (Optional Courses)</i>	2	
54	DLKT.38.24	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2	
55	DQK.01.11	Tâm lý kinh doanh (Business Psychology)	2	

56	DLKT.38.42	Kỹ năng lập luận và viết dành cho người hành nghề luật (Reasoning and Writing Skills for Law Practitioners)	2	Chọn 1 trong 5 học phần
57	DLKT.38.43	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp (Corporate Counsel and Legal skills)	2	
58	DLKT.38.44	Kỹ năng tư vấn pháp luật (Legal Consulting Skills)	2	
		Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp	10	
59	DLKT.38.25	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	
60	DLKT.38.26	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	
Tổng cộng			134	

2.2. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỤ THỂ CỦA MỖI HỌC PHẦN NHẪM ĐẠT ĐƯỢC CDR

ST T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		42										
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	39										
1	DCB.03.11	Triết học Mác - Lênin	3	1			1					1	
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1			1					1	
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1			1					1	
4	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1					1			1	1
5	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng	2	2								2	

ST T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
		sản Việt Nam											
6	DCB.03.02	Logic học	2	2			2		2			2	2
7	DCB.02.07	Tâm lý học đại cương	2	2			2					2	2
8	DCB.05.11	Tin học 1	2					1		1	1		2
9	DCB.05.12	Tin học 2	2					2		1	1		2
10	DCB.04.06	Tiếng Anh 1	4							1	1		1
11	DCB.04.07	Tiếng Anh 2	4							2	2		2
12		<i>Giáo dục thể chất</i>	3										
	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1	1									1	
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2	1									1	
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3	1									1	
13		<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8										
	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng CS Việt Nam	3	1								1	
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2	1								1	
	DCB.01.03	Quân sự chung và Kỹ chiến thuật bộ binh	3	1								1	

ST T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
		<i>*Các học phần tự chọn</i>	4										
14	DLKT.38.29	Xã hội học pháp luật	2						1		1	1	1
15	DLKT.38.47	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và thuyết trình	2			2		1		2	2	2	2
16	DLKT.38.45	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2		2	2			2	2		2	2
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		92										
		Kiến thức cơ sở khối ngành	13										
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>11</i>										
17	DLKT.38.01	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3		1		1					1	1
18	DLKT.38.04	Luật Hiến pháp	2		1				1				1
19	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô	3	2					2				2
20	DCB.02.03	Kinh tế vi mô	3	2					2				2
		<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>2</i>										
21	DCB.02.01	Kinh tế phát triển	2	2					2				2

ST T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
22	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế	2	2					2				2
		Kiến thức cơ sở ngành	26										
23	DTN.02.07	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	2			2			2			2
24	DKT.01.20	Nguyên lý kế toán	3	2			2			2		2	2
25	DKT.02.02	Kiểm toán căn bản	2	2						2			2
26	DQK.02.08	Quản trị học	2	2			2			2			2
27	DCB.04.08	Tiếng Anh 3	4								2		2
28	DTA.20.40	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4	2						2	3		3
29	DTA.20.41	Tiếng Anh chuyên ngành 2	4	2							3		3
30	DLKT.38.05	Luật Hành chính	2		2			2				2	3
31	DLKT.38.28	Luật Dân sự - Những quy định chung	2		2		2	2		2		2	3
		Kiến thức chuyên ngành	37										
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>31</i>										
32	DLKT.38.30	Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	4		3	3	3	3	3	3	3	3	3
33	DLKT.38.31	Luật Doanh nghiệp	2			2	2	2		2		2	3

ST T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
34	DLKT.38.32	Pháp luật lao động	2			3		2				2	2
35	DLKT.38.34	Luật Thương mại	3			3	3	3		3			3
36	DLKT.38.33	Luật Thương mại quốc tế	2		3		3	3			3	3	3
37	DLKT.38.48	Luật Hình sự	3		3		3		3		3	3	3
38	DLKT.38.15	Luật Tổ tụng dân sự	2		3			3	3	3		3	3
39	DLKT.38.13	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	3			3	3	3	3			3	3
40	DLKT.38.14	Pháp luật đầu tư và Cạnh tranh	2			3	3					3	3
41	DLKT.38.11	Luật Sở hữu trí tuệ	2			3	3	3		3			3
42	DLKT.38.17	Luật Tổ tụng hình sự	2		3		3	3	3	3		3	3
43	DLKT.38.10	Tư pháp quốc tế	2		3		3				3		3
44	DLKT.38.35	Pháp luật về khiếu nại hành chính và tố tụng hành chính	2		3			3	3	3		3	3
		<i>Các học phần tự chọn</i>	6										
45	DLKT.38.21	Luật Thuế	2			3	3		3			3	3
46	DLKT.38.22	Pháp luật về các tổ chức tín dụng	2			3	3		3			3	3

ST T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
47	DLKT.38.36	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2			3	3		3			3	3
48	DLKT.38.37	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	2			3	3		3			3	3
49	DLKT.38.38	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2			3	3		3			3	3
50	DLKT.38.39	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2			3	3		3			3	3
51	DLKT.38.40	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2		3	3	3		3			3	3
		Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	6										
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	4										
52	DLKT.38.41	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2			3		3		3		3	
53	DLKT.38.46	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	2			3		3			3	3	
		<i>Các học phần tự chọn</i>	2										
54	DLKT.38.24	Kỹ năng làm việc nhóm	2			3				3			3

ST T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
55	DQK.01.11	Tâm lý kinh doanh	2	3			3			3		3	
56	DLKT.38.42	Kỹ năng lập luận và viết dành cho người hành nghề luật	2			3	3	3	3				3
57	DLKT.38.43	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	2			3	3	3		3	3		3
58	DLKT.38.44	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2			3	3	3		3	3		3
		Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp	10										
59	DLKT.38.25	Thực tập cuối khóa	4		3	3	3	3		3	3	3	3
60	DLKT.38.26	Khóa luận tốt nghiệp	6	3	3	3	3		3		3	3	3

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-)

2.3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY*

S T T	Mã học phần	Học phần	Số T C	Học phần học trước	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐC												
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		38										
1	DCB.03.11	Triết học Mác - Lênin	3		3								
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2							

3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					2				
4	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						
5	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2			2						
6	DCB.03.02	Logic học	2			2						
7	DCB.02.07	Tâm lý học đại cương	2			2						
8	DCB.05.11	Tin học 1	2			2						
9	DCB.05.12	Tin học 2	2	DCB.05.11		2						
10	DCB.04.06	Tiếng Anh 1	4			4						
11	DCB.04.07	Tiếng Anh 2	4	DCB.04.06				4				
12		Giáo dục thể chất	3									
	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1	1					1				
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2	1					1				
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3	1					1				
13		Giáo dục quốc phòng – an ninh	8									
	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng CS Việt Nam	3			3						
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2			2						
	DCB.01.03	Quân sự chung và Kỹ chiến thuật bộ binh	3			3						
	*Các học phần tự chọn		4									
14	DLKT.38.29	Xã hội học pháp luật	2									
15	DLKT.38.47	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	2					2				

		và thuyết trình										
16	DLKT.38.45	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2					2				
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		92									
	Kiến thức cơ sở khối ngành		13									
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>11</i>									
17	DLKT.38.01	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	DCB.03.11		3						
18	DLKT.38.04	Luật Hiến pháp	2				2					
19	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô	3				3					
20	DCB.02.03	Kinh tế vi mô	3			3						
	<i>Các học phần tự chọn</i>		<i>2</i>									
21	DCB.02.01	Kinh tế phát triển	2					2				
22	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế	2									
	Kiến thức cơ sở ngành		26									
23	DTN.02.07	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3				3					
24	DKT.01.20	Nguyên lý kế toán	3					3				
25	DKT.02.02	Kiểm toán căn bản	2						2			
26	DQK.02.08	Quản trị học	2							2		
27	DCB.04.08	Tiếng Anh 3	4	DCB.04.07				4				
28	DTA.20.40	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4							4		
29	DTA.20.41	Tiếng Anh chuyên ngành 2	4	DTA.20.40							4	
30	DLKT.38.05	Luật Hành chính	2	DLKT.38.01			2					
31	DLKT.38.28	Luật Dân sự - Những quy định chung	2	DLKT.38.01			2					

	Kiến thức chuyên ngành	37										
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	31										
32	DLKT.38.30	Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	4	DLKT.38.28				4				
33	DLKT.38.31	Luật Doanh nghiệp	2	DLKT.38.28				2				
34	DLKT.38.32	Pháp luật lao động	2						2			
35	DLKT.38.34	Luật Thương mại	3	DLKT.38.31					3			
36	DLKT.38.33	Luật Thương mại quốc tế	2	DLKT.38.28 DLKT.38.34						2		
37	DLKT.38.48	Luật Hình sự	3	DLKT.38.01					3			
38	DLKT.38.15	Luật Tố tụng dân sự	2	DLKT.38.28 DLKT.38.30					2			
39	DLKT.38.13	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	3							3		
40	DLKT.38.14	Pháp luật đầu tư và Cạnh tranh	2							2		
41	DLKT.38.11	Luật Sở hữu trí tuệ	2							2		
42	DLKT.38.17	Luật Tố tụng hình sự	2	DLKT.38.48							2	
43	DLKT.38.10	Tư pháp quốc tế	2	DLKT.38.28 DLKT.38.15						2		
44	DLKT.38.35	Pháp luật về khiếu nại hành chính và tổ tụng hành chính	2	DLKT.38.05							2	
	<i>Các học phần tự chọn</i>	6										
45	DLKT.38.21	Luật Thuế	2									
46	DLKT.38.22	Pháp luật về các tổ chức tín dụng	2									
47	DLKT.38.36	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2								6	
48	DLKT.38.37	Pháp luật về hải quan và	2									

		xuất nhập khẩu										
49	DLKT.38.38	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2									
50	DLKT.38.39	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2									
51	DLKT.38.40	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2									
	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		6									
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		4									
52	DLKT.38.41	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2					2				
53	DLKT.38.46	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	2					2				
	<i>Các học phần tự chọn</i>		2									
54	DLKT.38.24	Kỹ năng làm việc nhóm	2									
55	DQK.01.11	Tâm lý kinh doanh	2									
56	DLKT.38.42	Kỹ năng lập luận và viết dành cho người hành nghề luật	2								2	
57	DLKT.38.43	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	2									
58	DLKT.38.44	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2									
	Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp		10									
59	DLKT.38.25	Thực tập cuối khóa	4									4

60	DLKT.38.26	Khóa luận tốt nghiệp	6									6	
Tổng cộng: 134 TC						17	18	19	19	18	17	16	10

* Có đề cương chi tiết học phần kèm theo

2.4. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP CDR

2.4.1. Tổ hợp phương pháp dạy học

1) Phương pháp dạy học được sử dụng

STT	Phương pháp dạy học	Ký hiệu	Mục đích
1	Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống (<i>Case study</i>)	PP1	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; phát triển tư duy phản biện; thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn; tạo môi trường mô phỏng thực tế giúp người học có thể trao đổi kinh nghiệm, kiến thức học hỏi lẫn nhau.
2	Phiên toà giả định (<i>Moot Court</i>)	PP2	Tạo môi trường học mang tính thử thách, thú vị nhằm kích thích người học tích cực hơn trong việc nghiên cứu vấn đề. Đồng thời, phương pháp này giúp người học tiếp thu những nội dung lý thuyết phức tạp bằng cách tiếp cận thực tiễn, hấp dẫn và dễ hiểu hơn; nâng cao khả năng tranh luận, phản biện, kỹ năng nghiên cứu văn bản pháp luật cũng như kỹ năng viết; phát triển kỹ năng làm việc nhóm của người học cũng như tăng cường sự chia sẻ, trao đổi kiến thức và quan điểm giữa người học với nhau.
3	Phương pháp phát vấn (<i>Socratic method</i>)	PP3	Kích thích tư duy độc lập của người học; tạo môi trường học tập sôi nổi, sinh động và kích thích hứng thú học tập của người học; rèn luyện năng lực biểu đạt của người học.
4	Phương pháp thuyết trình tích cực (<i>Active lecturing</i>)	PP4	Giúp người học tiếp cận nhanh chóng với các thông tin và kiến thức mới có tính phức tạp mà người học không thể tự lĩnh hội; người học có thể tiếp cận với những thông tin chưa được phổ biến.
5	Phương pháp giải quyết vấn đề (<i>Problem solving</i>)	PP5	Rèn luyện tư duy phản biện và sáng tạo của người học; phát triển khả năng tìm tòi và xem xét vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau.
6	Thuyết giảng (<i>Lecturing method</i>)	PP6	Cung cấp kiến thức

7	Tổ chức học tập theo nhóm (<i>Group-based learning</i>)	PP7	Kỹ năng làm việc theo nhóm và kỹ năng giao tiếp.
8	Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy (<i>Teaching with research papers</i>)	PP8	Kỹ năng phân tích; tư duy phản biện; kỹ năng làm việc nhóm; tự học, cập nhật kiến thức
9	Seminar (<i>Seminar</i>)	PP9	Kỹ năng phân tích, tìm kiếm tài liệu; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; tự học, cập nhật kiến thức
10	Giảng dạy thông qua tham quan thực tế (<i>Teaching through fieldtrips</i>)	PP10	Kiến thức thực tiễn; phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; kỹ năng, thái độ.

2) Ma trận phương pháp/hình thức dạy học phù hợp CDR

STT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
		Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
1	Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống		x	x	x	x	x	x	x		x
3	Phiên toà giả định		x	x	x	x		x		x	x
4	Phương pháp phát vấn	x	x	x	x			x			x
5	Phương pháp thuyết trình tích cực	x	x	x	x			x	x	x	x
6	Phương pháp giải quyết vấn đề	x	x	x	x			x			x
7	Thuyết giảng	x	x	x							
8	Tổ chức học tập theo nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy		x	x	x			x		x	x
10	Seminar		x	x	x			x	x	x	x

2.4.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Các hình thức, phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo

ngành LKT được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo quá trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

Hình thức đánh giá	Phương pháp, mô tả phương pháp
<p>Đánh giá theo tiến trình: Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.</p>	<p>Đánh giá chuyên cần (AM1): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric chuyên cần.</p>
	<p>Đánh giá bài tập (AM2): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.</p>
	<p>Đánh giá thuyết trình (AM3): Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể qua rubric thuyết trình và làm việc nhóm.</p>
<p>Đánh giá tổng kết, định kỳ: Mục tiêu của hình thức đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người</p>	<p>Kiểm tra viết (AM4): Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.</p>
	<p>Kiểm tra trắc nghiệm (AM5): Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.</p>

học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.	Thi vấn đáp (AM6): Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric thi vấn đáp.
	Đánh giá làm việc nhóm (AM7): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).
	Thực hành (AM8): Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.
	Báo cáo (AM9): Báo cáo thực tập tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

2.4.2.1. Ma trận phù hợp giữa các hoạt động kiểm tra đánh giá đối với CDR của CTĐT

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT (10)									
		Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (2)	
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
1	Đánh giá chuyên cần									X	X
2	Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X					X
3	Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X			X	X		X
4	Kiểm tra viết	X	X	X	X	X	X				X
5	Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X							X
6	Thi vấn đáp	X	X	X	X			X			X
7	Đánh giá làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Thực hành		X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Báo cáo	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

2.5. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN

Học phần khảo quát về chủ nghĩa Mác – Lê nin từ đó giúp sinh viên nắm bắt được đối tượng, phương pháp học tập, nghiên cứu. Vai trò của triết học Mác – Lê nin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời trang bị lý luận về thế

giới quan khoa học, trong việc nhận thức và cải tạo thế giới khách quan, những kiến thức cơ bản về phép biện chứng và phép biện chứng duy vật giúp sinh viên hiểu và nắm vững lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, các quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người từ thấp đến cao. Từ đó vận dụng vào xây dựng và phát triển kinh tế.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊ NIN

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lê nin gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lê nin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Canh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Học phần này cung cấp cho sinh viên cơ sở hình thành và quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh Giúp sinh viên nắm được các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm các nội dung: Đối tượng, chức năng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945). Đảng lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến nay).

6. LOGIC HỌC

Học phần Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn, trang bị cho người học những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lôgic hình thức cơ bản của tư duy như : Quy luật đồng nhất; Quy luật cấm mâu thuẫn (Logic); Quy luật bài trung và Quy luật lý do đầy đủ. Từ đó người học hình dung được một cách cụ

thể vai trò và tác động của tư duy logic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình.

Môn học không chỉ trang bị cho người học những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phản ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đứng im tương đối của đối tượng (mặt hình thức của nó) mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học vận dụng vào quá trình suy nghĩ; có được tư duy đúng, chính xác, lập luận chặt chẽ, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục; trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc; sử dụng những phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả; tạo nền tảng quan trọng cho việc học tập và nghiên cứu các lĩnh vực khoa học khác, đặc biệt là khoa học pháp lý.

7. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác có liên quan như: Tâm lý học tội phạm, tâm lý học xã hội.

8. TIN HỌC 1

Học phần Tin học 1 trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu.

9. TIN HỌC 2

Học phần Tin học 2 trang bị cho sinh viên có đủ kiến thức để thực hành kỹ năng cần thiết; để học các học phần tin học nâng cao và tin học chuyên ngành hoặc các học phần thuộc các chuyên ngành khác có ứng dụng tin học; để sử dụng máy tính và Internet phục vụ hiệu quả cho công việc và cuộc sống. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ đạt chuẩn các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành

10. TIẾNG ANH 1

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm khối lượng kiến thức của 06 bài trong cuốn giáo trình New English

File – Elementary do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Selison biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- + Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh;
- + Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày
- + Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở mức độ sơ cấp.

Mỗi bài học gồm 04 phần tập trung vào các kiến thức về Ngữ âm (Pronunciation), ngữ pháp (Grammar), và từ vựng (Vocabulary), đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng phát triển ngôn ngữ nói phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh. Sau mỗi bài học đều có 01 nội dung thực tế (Practical English) gồm các tình huống như trong nhà hàng, cửa hàng, sân bay, nhà ga, v.v. và phần củng cố kiến thức của toàn bài.

11. TIẾNG ANH 2

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm 03 bài (7, 8, 9) trong cuốn giáo trình New English File – Elementary và 03 bài (1, 2, 3) trong cuốn giáo trình New English File - Pre – Intermediate do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- + Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh;
- + Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày
- + Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở mức độ sơ cấp và tiền trung cấp.

Mỗi bài học gồm 04 phần tập trung vào các kiến thức về Ngữ âm (Pronunciation), ngữ pháp (Grammar), và từ vựng (Vocabulary), đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng phát triển ngôn ngữ nói phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh. Sau mỗi bài học đều có 01 nội dung thực tế (Practical English) gồm các tình huống như trong nhà hàng, trên đường phố, đặt phòng khách sạn, thuê nhà, v.v. và phần củng cố kiến thức của toàn bài.

12. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Học phần Giáo dục Thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đào tạo đội ngũ; phát triển hài hòa về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng yêu cầu xã hội. Thông qua các hoạt động Giáo dục Thể chất để thúc đẩy các phong trào thể dục, thể thao trong toàn trường.

13. ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG - CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, QUÂN SỰ - AN NINH VÀ QUÂN SỰ CHUNG VÀ CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT, BẢN SÚNG TIỂU LIÊN AK (CKC)

Đề cập đến những vấn đề cơ bản về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Các quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đánh bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam.

Giới thiệu một số chủ trương, biện pháp chủ yếu của Đảng, Nhà nước về xây dựng, củng cố nền quốc phòng và an ninh quốc gia. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng XHCN và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Giới thiệu một số tính năng, tác dụng của một số vũ khí bộ binh thuốc nổ, vũ khí hủy diệt, cách sử dụng, cách phòng chống vũ khí hủy diệt. Đồng thời trang bị một số kiến thức thông thường về bản đồ quân sự, hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong chiến đấu, điều lệnh đội ngũ và điều lệnh kỷ luật trong quân đội.

14. XÃ HỘI HỌC PHÁP LUẬT

Xã hội học pháp luật là ngành xã hội học chuyên biệt, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội khác, nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật. Là môn học thuộc khối kiến thức đại cương, xã hội học pháp luật cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật cũng giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay. Việc học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật mang lại cho sinh viên luật nhiều kiến thức thiết thực, phục vụ trực tiếp cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.

15. KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH VÀ THUYẾT TRÌNH

Học phần này gồm 2 phần: Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và Kỹ năng thuyết trình. Phần Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thiết thực về văn bản, văn bản hành chính, thể thức, phong cách, quy trình, kỹ thuật soạn thảo văn bản; cung cấp và tổ chức cho sinh viên thực hành kỹ thuật soạn thảo (đúng thể thức, nội dung, yêu cầu) các loại văn bản hành chính thông dụng; giúp sinh viên có đủ những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính và nhận thức được tầm quan trọng của công việc soạn thảo văn bản hành chính; giúp sinh viên có đủ kỹ thuật và thực hiện thành thực kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng

Phần Kỹ năng thuyết trình giới thiệu tổng quan về kỹ năng thuyết trình, xây dựng cấu trúc một bài thuyết trình, một số kỹ năng nâng cao hiệu quả kỹ năng thuyết trình, thực hiện bài thuyết trình, luyện tập và đánh giá hiệu quả bài thuyết trình, trình diễn kỹ năng thuyết trình.

16. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ

Là môn học tự chọn thuộc nhóm các môn cơ sở ngành của chương trình cử nhân Luật kinh tế. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý sẽ nhấn mạnh đến các phương pháp nghiên cứu luật học, các kỹ năng mà sinh viên cần có để học tốt các môn trong chương trình cử nhân luật, đặc biệt là viết khóa luận tốt nghiệp, và sau khi tốt nghiệp có thể thực hiện các công việc nghiên cứu, tư vấn và xử lý các vấn đề pháp lý.

Học phần này cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức sau đây: (i) giới thiệu về phương pháp phân tích, giải thích luật viết với các nội dung như khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học luật, nguồn luật và hệ thống văn bản quy định và phân phạm pháp luật ở Việt Nam, nguyên tắc phân tích, giải thích luật, vai trò, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu luật, cách thức chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu luật, các phương pháp phân tích và giải thích pháp luật, cách thức giải quyết mâu thuẫn, phương pháp bình luận bản án và giải quyết tình huống pháp lý; (ii) giới thiệu về phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học luật gồm các nội dung như khái niệm, đặc trưng, ý nghĩa, phân loại công trình nghiên cứu luật, cách xây dựng và phát triển ý tưởng nghiên cứu, cách thức thực hiện và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp và các công trình nghiên cứu khoa học luật.

Mục đích của học phần giúp người học nắm vững kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích, giải thích pháp luật và phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu luật; phân tích và đánh giá chính xác đối với các quy phạm pháp luật nghiên cứu; áp dụng được các nguyên tắc và công cụ phân tích, giải thích luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn; biết cách bình luận một bản án; áp dụng được phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu luật để viết một bài báo khoa học, thực hiện tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp.

17. LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Học phần Lý luận nhà nước và pháp luật là một môn học bắt buộc chung trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Lý luận nhà nước và pháp luật là khoa học pháp lý cơ bản có tính chất phương pháp luận nhằm trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật để có thể tiếp cận với các môn khoa học khác cũng như tiếp cận các vấn đề, hiện tượng pháp lý – xã hội nói chung.

Nội dung học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản sau đây:

- Phần Nhập môn với các nội dung chủ yếu về vị trí vai trò, đối tượng, phương pháp luận của Lý luận Nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học xã hội và pháp lý.
- Phần Lý luận Nhà nước: phân tích các khái niệm cơ bản về nhà nước, các quan điểm khác nhau về nguồn gốc, bản chất nhà nước, vai trò, chức năng bộ máy nhà nước, các mối liên hệ của nhà nước, các kiểu và hình thức Nhà nước v.v. Nội dung môn học có chủ đề Nhà nước pháp quyền và hệ thống chính trị. Lý luận nhà nước bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Phần Lý luận Pháp luật gồm các vấn đề: sự hình thành, phát triển của pháp luật, các

trường phái pháp luật; các khái niệm cơ bản về pháp luật, vai trò, giá trị, các mối liên hệ của pháp luật, hình thức, nguồn pháp luật; kiểu lịch sử của pháp luật, quy phạm và quan hệ pháp luật, ý thức pháp luật; pháp chế; thực hiện và áp dụng luật; hệ thống pháp luật; xây dựng pháp luật; cơ chế điều chỉnh pháp luật, tổng quan về các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới.

18. LUẬT HIẾN PHÁP

Học phần Luật Hiến pháp giới thiệu cho người học các nhóm vấn đề cơ bản sau đây:

- Những vấn đề lí luận cơ bản về luật Hiến pháp và khoa học Luật hiến pháp;
- Chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- Chế độ/chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường;
- Bảo vệ Tổ quốc (quốc phòng, an ninh quốc gia);
- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được những kiến thức về: lý luận cơ bản về ngành luật Hiến pháp và khoa học luật hiến pháp; chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chính sách/chế độ kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; các quy định về bộ máy nhà nước như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương; Hội đồng bầu cử quốc gia và kiểm toán nhà nước; sinh viên có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện và các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, khoa học, công nghệ mang tính thời sự, đặc biệt là về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

19. KINH TẾ VĨ MÔ

Học phần này nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô: hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô, giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng ng, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô.

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về nền kinh tế vĩ mô có sự tham gia của Nhà nước trong mối quan hệ với các chủ thể khác của nền kinh tế với mục tiêu nhằm trang bị những kiến thức nền tảng về kinh tế vĩ mô và các chính sách điều tiết nền kinh tế, giúp người học có thể hiểu về ý nghĩa của các chỉ tiêu đánh giá kinh tế và là công cụ hữu hiệu để có thể nghiên cứu các học phần có liên quan khác trong chuyên ngành kinh tế.

20. KINH TẾ VI MÔ

Kinh tế học vi mô là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy luật của nền kinh tế thị trường, cách hoạt động kinh tế của các thành viên trong nền kinh tế, cách quyết định sử dụng nguồn lực tối ưu. Trang bị cho sinh viên khả năng phân

tích về cung cầu và thị trường, hành vi người tiêu dùng, hành vi người sản xuất và vai trò của Chính phủ trong việc phân bổ các nguồn lực chung, kiểm soát ô nhiễm, cung cấp hàng hóa công cộng, tác động của các chính sách của Chính phủ đối với hoạt động của từng đơn vị kinh tế và của toàn bộ nền kinh tế.

21. KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Học phần này có tính tổng hợp, nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế, khái quát sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Môn học chỉ ra quá trình chuyển một nền kinh tế từ tình trạng trì trệ, tăng trưởng thấp, tỷ lệ nghèo đói lớn và tình trạng mất công bằng xã hội cao, sang một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh với các tiêu chí xã hội ngày càng được cải thiện hơn. Thông qua quan điểm của các trường phái kinh tế, các mô hình lý thuyết và thực nghiệm, môn học cung cấp cơ sở khoa học cho việc lựa chọn đường lối phát triển kinh tế với những điều kiện trong nước và quốc tế khác nhau.

22. KINH TẾ QUỐC TẾ

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về các quan hệ kinh tế quốc tế: tính quy luật của sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia; nghiên cứu sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ; sự vận động của các yếu tố sản xuất, sự chuyển đổi tiền tệ và cán cân thanh toán giữa các quốc gia, nghiên cứu các chính sách điều chỉnh quá trình vận động và trao đổi.

23. LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Học phần giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến tài chính tiền tệ, đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng, tiền tệ và thị trường tài chính. Đồng thời, qua đó có thể nắm được những vấn đề liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước, chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; những vấn đề liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, liên quan đến huy động vốn và cho vay hay những vấn đề liên quan đến lạm phát và thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán.

24. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Học phần Nguyên lý Kế toán nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học kế toán như bản chất của kế toán, đối tượng, hệ thống các phương pháp kế toán, đồng thời cùng nghiên cứu những nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc chung của kế toán, vị trí của kế toán trong hệ thống quản lý, việc vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học kế toán trong 1 loại hình đơn vị cụ thể - doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

25. KIỂM TOÁN CĂN BẢN

Học phần cung cấp các kiến thức về bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: Báo cáo kiểm toán, gian lận sai sót, trọng yếu rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ; đồng thời học phần còn chỉ ra các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị. Người học có thể chủ động xây dựng kế hoạch kiểm toán,

lựa chọn phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, phân tích các bằng chứng và lập được các báo cáo kiểm toán trong từng trường hợp cụ thể. Người học có khả năng tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu của hoạt động kiểm toán như kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ.

26. QUẢN TRỊ HỌC

Quản trị học là học phần cung cấp các lý thuyết về hành vi tổ chức và các lý thuyết cơ bản về quản trị nhằm mục đích tạo được cái nhìn tổng quát và có được kiến thức cơ bản của môn học này làm cơ sở cho việc nghiên cứu sâu hơn các môn học về quản trị. Nội dung giảng dạy và các ví dụ minh họa phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà nội.

27. TIẾNG ANH 3

Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm 06 bài (Từ File 04 đến File 09) trong cuốn giáo trình New English File – Pre-intermediate do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- + Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh;
- + Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày
- + Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở cấp độ tiền trung cấp.

Mỗi bài học gồm 04 phần tập trung vào các kiến thức về Ngữ âm (Pronunciation), ngữ pháp (Grammar), và từ vựng (Vocabulary), đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng phát triển ngôn ngữ nói phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh. Sau mỗi bài học đều có 01 nội dung thực tế (Practical English) gồm các tình huống như trong khách sạn, mua hàng, đi du lịch, đặt dịch vụ v.v. và phần củng cố kiến thức của toàn bài.

28. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1

Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 là khối lượng kiến thức của 06 bài đầu (Unit 1 – Unit 6) trong giáo trình *Finance 1* do tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp khối lượng lớn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành, đồng thời cung cấp hiểu biết thực tiễn về các lĩnh vực liên quan đến ngành Tài chính. Mỗi unit tập trung vào một chủ đề, được thể hiện qua các phần Từ vựng, Ngữ pháp, Phát âm, các phần kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Ngoài ra, mỗi unit còn trình bày về một kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng tạo ấn tượng tốt khi đi phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, quy tắc ứng xử trong cuộc họp, trả lời khiếu nại từ khách hàng v.v...

29. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 2

Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 là khối lượng kiến thức của 06 bài sau (Unit 7 – Unit 12) trong giáo trình *Finance 1* do tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp khối lượng lớn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành, đồng thời cung cấp hiểu biết thực tiễn về các lĩnh vực liên quan đến ngành

Tài chính. Mỗi unit tập trung vào một chủ đề, được thể hiện qua các phần Từ vựng, Ngữ pháp, Phát âm, các phần kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Ngoài ra, mỗi unit còn trình bày về một kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng thuyết trình và đàm phán, kỹ năng bán hàng qua điện thoại v.v...

30. LUẬT HÀNH CHÍNH

Học phần Luật Hành chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động quản lý Nhà nước như : hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước, các văn bản và thủ tục hành chính, quy chế pháp lý của cán bộ, công chức, quy định về khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện hành chính v.v...; giúp sinh viên nắm được các kiến thức chung về luật hành chính (đối tượng, phương pháp điều chỉnh, vị trí, vai trò của môn học đối với các môn học khác); hiểu rõ tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, các quy định về thủ tục hành chính, văn bản hành chính để thuận lợi khi giao tiếp; nắm được quy chế pháp lý áp dụng đối với những người điều hành bộ máy quản lý nhà nước (cán bộ, công chức) để thấy được sự khác biệt so với những người lao động khác; hiểu rõ vai trò, quyền và nghĩa vụ của các đối tượng này khi quan hệ hoặc tham gia; nắm được các quy định về khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện hành chính để thực hiện nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của xã hội.

31. LUẬT DÂN SỰ - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Học phần Luật Dân sự - Những quy định chung là môn học bắt buộc tại tất cả các cơ sở đào tạo luật. Học phần giới thiệu cho người học các vấn đề chung của luật dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, các căn cứ phát sinh, nội dung của các quan hệ pháp luật dân sự; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự; nghiên cứu các chế định tài sản (khái niệm, phân loại tài sản), giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; chế định quyền sở hữu (nội dung quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu; bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền sở hữu) và các quyền khác đối với tài sản.

Mục tiêu của Học phần nhằm giúp người học nắm vững kiến thức lý luận chung về luật dân sự và biết cách vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống pháp lý dân sự cụ thể; giải quyết được các vấn đề pháp lý dân sự có liên quan, sử dụng được cơ sở dữ liệu luật, cơ sở dữ liệu bản án, án lệ để sắp xếp các văn bản luật dân sự, các bản án, án lệ có liên quan phục vụ cho nội dung nghiên cứu luật dân sự; biết cách phân tích tình huống pháp lý dân sự, đưa ra phương hướng, giải pháp phù hợp với quy định pháp luật và biết cách phản biện ý kiến người khác, bảo vệ quan điểm bản thân trên tinh thần tiếp thu, học hỏi.

32. LUẬT DÂN SỰ - NGHĨA VỤ VÀ HỢP ĐỒNG

Học phần Luật Dân sự - Nghĩa vụ và Hợp đồng thuộc khối kiến thức bắt buộc của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những

kiến thức về nghĩa vụ và hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm các nội dung: những quy định chung về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các hợp đồng dân sự thông dụng; những kiến thức về các chế định gần như hợp đồng (như thực hiện công việc không có ủy quyền, chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật); các quy định cam kết đơn phương (như hứa thưởng, thi có giải). Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Cụ thể, học phần Luật Dân sự - Nghĩa vụ và Hợp đồng trang bị cho người học các nội dung kiến thức cơ bản sau đây:

- Kiến thức về nghĩa vụ dân sự: khái niệm nghĩa vụ dân sự, chủ thể của nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự và các chế tài, thay đổi chủ thể của quan hệ nghĩa vụ dân sự, chấm dứt quan hệ nghĩa vụ dân sự.
- Kiến thức về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự như thế chấp, cầm cố, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, bảo lãnh, tín chấp, bảo lưu quyền sở hữu và cầm giữ tài sản.
- Kiến thức cơ bản liên quan đến những vấn đề chung về hợp đồng như khái niệm hợp đồng, giao kết hợp đồng, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, thực hiện hợp đồng, các loại trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ và vi phạm hợp đồng, thay đổi, chấm dứt hợp đồng, thời hiệu giải quyết tranh chấp về hợp đồng.
- Kiến thức cơ bản về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như những căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, các nguyên tắc bồi thường cũng như xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

33. LUẬT DOANH NGHIỆP

Học phần cung cấp các kiến thức pháp lý về các loại hình chủ thể kinh doanh ở Việt Nam như doanh nghiệp, hộ kinh doanh và chủ thể đặc biệt có hoạt động kinh doanh là hợp tác xã, cụ thể phân tích các quy phạm pháp luật hiện hành về quá trình thành lập, đặc điểm pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức kinh doanh, hợp tác xã; cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, hợp tác xã; tổ chức lại, giải thể, phá sản đối với doanh nghiệp và hợp tác xã và chấm dứt hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh

34. PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Pháp luật lao động là môn học nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Cơ chế ba bên, quản lý nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ, thoả ước lao động tập thể, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, về chế độ tiền lương; giải quyết tranh chấp lao động và đình công.

35. LUẬT THƯƠNG MẠI

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về các hoạt động thương mại

như hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, logistic, nhượng quyền thương mại... quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại này. Đồng thời trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng. Đây là những kiến thức nền tảng quan trọng để sinh viên có thể vận dụng tư vấn cho các chủ thể kinh doanh khi thực hiện các hoạt động thương mại hoặc khi xảy ra tranh chấp hợp đồng.

36. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc mở rộng giao thương với các quốc gia trên thế giới đã, đang và sẽ trở thành xu hướng mang tính chất tất yếu. Do đó, việc cập nhật thông tin để hoàn thiện chương trình môn học, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên Luật kiến thức về Luật thương mại quốc tế, hành lang pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong hoạt động thương mại quốc tế, là điều hết sức cần thiết. Trên cơ sở đó, học phần Luật thương mại quốc tế trang bị cho người học kiến thức về những nội dung chính sau đây: (i) khái quát về Luật thương mại quốc tế, giới thiệu về các học thuyết thương mại quốc tế, các xu hướng của hoạt động thương mại quốc tế và nguồn của Luật Thương mại quốc tế; (ii) giới thiệu một số liên kết kinh tế quốc tế tiêu biểu trong hoạt động thương mại quốc tế, như Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, EU và WTO; (iii) hợp đồng thương mại quốc tế, cụ thể là Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, trong đó tập trung vào các điều khoản của Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hoá quốc tế và Nguyên tắc UNDRUIT về hợp đồng thương mại quốc tế liên quan đến quyền, nghĩa vụ của các bên hợp đồng; căn cứ miễn trách và trách nhiệm của các bên về việc vi phạm hợp đồng; (iv) giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế thông qua các phương thức giải quyết liên quan đến hợp đồng (ADR, trọng tài, toà án) và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp liên quan đến chính sách thương mại giữa các thành viên WTO.

37. LUẬT HÌNH SỰ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Phần chung của Luật hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự; lịch sử luật hình sự Việt Nam; đạo luật hình sự; khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm, lý luận về cấu thành tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm; các giai đoạn phạm tội; đồng phạm; các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; trách nhiệm hình sự và hình phạt; quyết định hình phạt; miễn, giảm hình phạt và xóa án tích; trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Phần các tội phạm của luật hình sự Việt Nam bao gồm: các tội xâm phạm quyền nhân thân của con người; các tội phạm xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của nhà nước cũng như trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng nhóm tội phạm

38. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Toà án. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.

39. PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hạn mức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất; pháp luật về giá đất; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; địa vị pháp lý của người sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

Pháp luật kinh doanh bất động sản là môn học tự chọn đối với sinh viên luật. Đây là môn học chuyên ngành nhằm nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản. Môn học cung cấp cho người học những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Môn học cũng cung cấp cho người học các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản

40. PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ VÀ CẠNH TRANH

Luật đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh, bao gồm: Hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Luật cạnh tranh là học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Luật cạnh tranh nghiên cứu 7 nội dung sau: (1) Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; (2) Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; (3) Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; (4) Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; (5) Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; (6) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; (7) Tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh

41. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Luật Sở hữu trí tuệ là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức về đối tượng được bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng), điều kiện cần đáp ứng để được bảo hộ, chủ thể được bảo hộ, nội dung bảo hộ, việc chuyển giao quyền và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; xác lập quyền; quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cơ chế bảo vệ; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Môn học nhằm mục đích cung cấp những kiến thức quan trọng nhằm giúp người học am hiểu và tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp của cử nhân Luật kinh tế theo chuẩn đầu ra của ngành.

42. LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Học phần Luật Tố tụng hình sự nghiên cứu về trình tự và thủ tục giải quyết vụ án hình sự, hướng dẫn cho người học các công đoạn giải quyết một vụ án hình sự với trình tự, thủ tục thực hiện các hành vi tố tụng như bắt người, tạm giữ, tạm giam... như thế nào, thẩm quyền giải quyết của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra sao theo quy định của Bộ luật TTHS. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề chung của Luật tố tụng hình sự, hệ thống chủ thể của quan hệ pháp luật TTHS: Cơ quan tiến hành tố tụng; Người tiến hành tố tụng; Người tham gia tố tụng; Biện pháp ngăn chặn trong TTHS; Chứng cứ và chứng minh trong TTHS; Trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Cấu trúc môn học gồm hai phần:

Phần 1: Những vấn đề chung của luật Tố tụng hình sự: Hướng dẫn người học nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của luật TTHS như khái niệm, các nguyên tắc của luật TTHS, hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành và người tham gia tố tụng, những vấn đề chung về chứng cứ, về các biện pháp ngăn chặn.

Phần 2: Thủ tục giải quyết vụ án hình sự: Tập trung vào việc phân tích trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự trong các giai đoạn tố tụng như khởi tố, điều tra, xét xử và thi hành án, giúp sinh viên hiểu được quá trình giải quyết vụ án được tiến hành như thế nào, thẩm quyền của người tiến hành tố tụng ở giới hạn nào. Nhờ vậy mà người học hiểu để hành động trong khuôn khổ của pháp luật, phát hiện những vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

43. TƯ PHÁP QUỐC TẾ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

44. PHÁP LUẬT KHIẾU NẠI HÀNH CHÍNH VÀ TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và thiết thực nhất về pháp luật khiếu nại hành chính, pháp luật khiếu kiện hành chính; giúp người học nắm vững trình tự, thủ tục khiếu nại, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học nắm vững quy định pháp luật hiện hành về đối tượng thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án hành chính, thẩm quyền của tòa án hành chính trong việc giải quyết các vụ án hành chính, các nguyên tắc của Luật Tố tụng hành chính.

45. LUẬT THUẾ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Pháp luật thuế, bộ phận quan trọng của pháp luật tài chính và pháp luật kinh tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Pháp luật thuế bao gồm các quy định về Hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam. Pháp luật thuế quy định thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước (NSNN); pháp luật thuế quy định các khoản thu từ thuế; quy định quyền hạn, trách nhiệm của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc ấn định các thứ thuế; quy định mức thuế suất; quy định miễn thuế, giảm thuế và các điều kiện để đảm bảo thu NSNN từ thuế. Quy định nghĩa vụ thuế của công dân; quy định người nộp thuế; quy định quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế. Pháp luật thuế là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo thu thuế vào NSNN đầy đủ, đúng hạn, kịp thời nhằm đáp ứng cho nhu cầu chi tiêu của nhà nước. Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của pháp luật thuế, bao gồm hệ thống thuế Việt Nam, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của các luật thuế; hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật được coi là nguồn của luật thuế; những yếu tố cơ bản của quan hệ pháp thuế; căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật thuế; xác định được chủ thể của quan hệ pháp luật thuế; khái niệm, căn cứ xác lập, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của NNT; đồng thời xác lập thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan Nhà nước trong quan hệ pháp luật thuế; trách nhiệm hành chính của tổ chức, cá nhân khi vi phạm các quy định của luật thuế.

46. PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Học phần Pháp luật về các tổ chức tín dụng giúp người học nắm bắt được những kiến thức lý luận về lĩnh vực ngân hàng, các quy định quản lý nhà nước về tiền tệ, địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, địa vị pháp lý và việc quản trị của các tổ chức tín dụng; các hoạt động huy động vốn, cho vay của ngân hàng v.v... giúp người học nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực ngân hàng; hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật ngân hàng; cách thức quản lý và hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở các kiến thức được lĩnh hội, người học vận dụng để giải quyết các công việc như phụ trách công tác pháp chế tại các tổ chức tín dụng, tư vấn pháp lý đối với các hoạt động liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động ngân hàng theo đúng quy định pháp luật.

47. LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Học phần Luật Kinh doanh bảo hiểm nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, thực thi các quy định về quan hệ kinh doanh bảo hiểm. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: các nguyên tắc cơ bản trong bảo hiểm, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quan hệ hợp đồng bảo hiểm, kinh doanh bảo hiểm trong một số lĩnh vực cụ thể, quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm v.v... giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản của pháp luật kinh doanh bảo hiểm như: đối tượng và phương pháp điều chỉnh, nguồn luật điều chỉnh, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quy trình của giao dịch kinh doanh bảo hiểm, các vấn đề về khiếu nại công ty bảo hiểm; các nguyên tắc pháp lý cơ bản của kinh doanh bảo hiểm như: nguyên tắc quyền lợi được bảo hiểm, nguyên tắc trung thực tuyệt đối, nguyên nhân gây ra tổn thất, nguyên tắc bồi thường, nguyên tắc thế quyền, nguyên tắc bảo hiểm trùng và đóng góp bồi thường; các quy định pháp lý về hợp đồng bảo hiểm như: giao kết hợp đồng, hiệu lực của hợp đồng, thực hiện hợp đồng, nghĩa vụ của các bên khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, tạm ngừng và hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm; các quy định pháp lý về một số loại hình bảo hiểm cụ thể như: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

48. PHÁP LUẬT VỀ HẢI QUAN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU

Học phần Pháp luật về Hải quan và Xuất nhập khẩu là môn học tự chọn thuộc chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Cấu trúc của môn học gồm hai phần: Pháp luật về Hải quan và Pháp luật về Xuất nhập khẩu.

Phần Pháp luật về hải quan đề cập đến những vấn đề xoay quanh các quy định của pháp luật Việt Nam về hải quan, thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, pháp luật hải quan về thuế xuất nhập khẩu và điều tra chống buôn lậu và gian lận thương mại; giúp người học nắm được các quy định của pháp luật Việt Nam về nghiệp vụ Hải quan cùng những thay đổi trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau; trang bị kỹ năng và tư duy pháp lý để người học biết cách vận dụng các quy định của luật pháp về hải quan trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Phần Pháp luật về Xuất nhập khẩu cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận nhằm nhận diện, xử lý thông tin về các quy định pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; từ đó có thể phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề, và ra quyết định đúng đắn và hiệu quả với những tình huống nghiên cứu hoặc thực tế phát sinh có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

49. PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán. Nội dung môn học gồm các vấn đề chính: Những vấn đề cơ bản về luật chứng khoán; Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán; Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán; Pháp

luật về kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

50. PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM

Pháp luật về giao dịch bảo đảm là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế của Trường ĐH Tài chính Ngân hàng Hà Nội. Giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã quy định chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bao gồm cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, tín chấp, bảo lưu quyền sở hữu, cầm giữ tài sản. Bên cạnh đó, pháp luật về giao dịch bảo đảm cũng quy định về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm.

Học phần Pháp luật về giao dịch bảo đảm trang bị cho người học các nội dung kiến thức cơ bản sau: (i) Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (ii) Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iii) Pháp luật về hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iv) Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; (v) Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.

51. PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Học phần Pháp luật về Trọng tài thương mại quốc tế là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Trọng tài thương mại quốc tế là phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ Tư pháp quốc tế, nhất là các quan hệ thương mại quốc tế mà pháp luật cho phép giải quyết được bằng trọng tài. Theo phương thức này, các bên nhất trí thỏa thuận với nhau là sẽ đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại một cơ quan trọng tài nhất định nào đó.

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về khái niệm trọng tài thương mại quốc tế theo Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế ngày 21/6/1985 của UNCITRAL, vai trò của trọng tài thương mại quốc tế, các loại trọng tài thương mại quốc tế, thẩm quyền, chức năng, nguyên tắc và cơ chế pháp lý giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại quốc tế; các tiêu chuẩn về trọng tài viên, quyền, nghĩa vụ của trọng tài viên; khả năng công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài thương mại quốc tế.

52. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

Học phần này sẽ giới thiệu hai nội dung chính là Kỹ năng đàm phán hợp đồng và Kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại.

Trong phần Kỹ năng đàm phán hợp đồng, môn học sẽ giúp người học có được kiến thức tổng thể về hoạt động đàm phán, từ vấn đề khái niệm đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán và cách kết thúc của một cuộc đàm phán sao cho có hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Phần Kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại sẽ giúp người học nắm được các kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng. Người học sẽ được giới thiệu tổng quát về khái niệm hợp đồng, nguyên tắc soạn thảo, các hình thức của hợp đồng, các bước trong quá trình soạn

thảo hợp đồng. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau người học sẽ được giới thiệu cách đặt tên cho hợp đồng, các điều khoản cơ bản cần có của một hợp đồng cụ thể, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể và cách thức trình bày các điều khoản đó. Bên cạnh đó, người học sẽ nắm được những điều cần lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng thương mại phổ biến. Thêm vào đó, người học sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng soạn thảo những điều khoản của một số loại hợp đồng thông dụng trong kinh doanh thương mại.

53. KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Học phần cung cấp cho sinh viên hai khối kiến thức cơ bản: kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản quy phạm pháp luật và kỹ thuật soạn thảo một số văn bản thông dụng trong quá trình hành nghề luật.

Phần kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật giới thiệu cho người học các loại văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam, phân biệt văn bản quy phạm pháp luật với văn bản hành chính, văn bản áp dụng pháp luật, văn bản sử dụng trong quá trình hành nghề luật; ý nghĩa ban hành, thẩm quyền ban hành, hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; những kiến thức về thể thức một văn bản và kỹ thuật soạn thảo một số văn bản thông dụng như văn bản của Hội đồng nhân dân, của Ủy ban nhân dân, công văn hành chính, tờ trình, báo cáo.

Phần kỹ thuật soạn thảo một số văn bản thông dụng trong quá trình hành nghề luật giới thiệu và hướng dẫn người học cách thức soạn thảo một số loại văn bản sử dụng trong hoạt động tư vấn pháp luật như văn bản tư vấn, văn bản trình bày ý kiến pháp lý, văn bản ủy quyền, thư từ chối yêu cầu của khách hàng, công văn hỏi ý kiến các cơ quan/tổ chức hữu quan v.v...

54. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Học phần giới thiệu tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm, phân tích được nội dung cơ bản của kỹ năng làm việc nhóm: khái niệm nhóm; các giai đoạn hình thành và phát triển của nhóm; các kiểu tính cách và vai trò cá nhân trong nhóm; các phong cách lãnh đạo; phân tích được các mâu thuẫn nhóm và đánh giá tầm quan trọng của quản lý xung đột. Học phần nhằm giúp sinh viên có nhận thức khoa học về làm việc nhóm và kỹ năng làm việc nhóm; hình thành cho sinh viên thái độ làm việc nhóm tích cực, chủ động. Trên cơ sở kiến thức, thái độ đó sinh viên có được năng lực làm việc nhóm hiệu quả trong sinh hoạt, học tập và công việc.

55. TÂM LÝ KINH DOANH

Học phần Tâm lý kinh doanh trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lý trong hoạt động kinh doanh, bao gồm đặc điểm người tiêu dùng, đặc điểm người bán hàng và hoạt động bán hàng, đặc điểm nhà kinh doanh, hoạt động quảng bá sản phẩm kinh doanh. Từ đó giúp người học ứng dụng kiến thức được học vào việc giải thích, phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp cũng như của cá nhân sau này. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho người học một số kỹ năng nhất định

trong cuộc sống, như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quan sát, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

56. KỸ NĂNG LẬP LUẬN VÀ VIẾT DÀNH CHO NGƯỜI HÀNH NGHỀ LUẬT

Học phần Kỹ năng lập luận và viết cho người hành nghề luật là môn học tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Học phần cung cấp cho người học hai khối kiến thức cơ bản: Kỹ năng lập luận và Kỹ năng viết cho người hành nghề luật.

Phần Kỹ năng lập luận cho người hành nghề luật nhằm mục đích giúp người học hiểu được tầm quan trọng của lập luận trong các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ; nắm vững lý thuyết về lập luận và các kỹ năng lập luận nói chung, lập luận pháp lý nói riêng để nâng cao các khả năng nói và viết một cách logic, chặt chẽ, mạch lạc, có sức thuyết phục, từ đó có thể vận dụng có hiệu quả trong việc hành nghề luật. Cụ thể, học phần trang bị cho người học các kỹ năng tư duy và ngôn ngữ như: kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng nhận biết các vấn đề pháp lý và xác định các công cụ lập luận: lập luận trong tư duy; sử dụng các thao tác suy luận; sử dụng luận điểm, luận cứ, luận chứng nhằm xác định bản chất và tính hợp pháp của vấn đề pháp lý; xác định ranh giới, mức độ đáp ứng yêu cầu của đối tác dựa trên các tình tiết, sự kiện, và luật pháp; qua đó giúp người học biết nghĩ một cách sâu sắc, viết một cách chính xác, nói một cách thuyết phục trong quá trình hành nghề luật.

Kỹ năng viết là một trong những kỹ năng cơ bản và quan trọng nhất của người hành nghề luật. Phần này của Học phần sẽ hướng dẫn người học các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong văn bản, rèn luyện kỹ năng viết một số văn bản pháp lý thông dụng như văn bản phân tích pháp lý, văn bản tranh luận, thư từ giao dịch, biên bản, báo cáo trong quá trình thực hành nghề luật.

57. PHÁP CHẾ DOANH NGHIỆP VÀ KỸ NĂNG PHÁP CHẾ DOANH NGHIỆP

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để người học có thể bắt đầu thực hành nghề luật bằng công việc của một chuyên viên pháp chế doanh nghiệp; giúp người học nắm được những khái niệm căn bản nhất về địa vị pháp lý của chuyên viên pháp chế doanh nghiệp, những công việc cơ bản mà một chuyên viên pháp chế doanh nghiệp sẽ tiếp cận và giải quyết; một số kiến thức pháp luật cơ bản mà chuyên viên pháp chế doanh nghiệp cần biết; cách thức và kỹ năng phối hợp giải quyết công việc với các bộ phận chuyên môn của Doanh nghiệp; kỹ năng xử lý các loại văn bản, hợp đồng, kỹ năng xây dựng tài liệu quản trị nội bộ và soạn thảo văn bản; kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp của người làm pháp chế doanh nghiệp.

58. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về hoạt động tư vấn pháp luật; quy trình tư vấn pháp luật; kỹ năng tiếp xúc khách hàng, tìm hiểu yêu cầu tư vấn và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tìm kiếm, khai thác, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá vụ việc trong hoạt động tư vấn; kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng dịch vụ pháp lý; kỹ năng tư vấn pháp luật bằng lời nói và bằng văn bản; kỹ năng đại diện ngoài tổ tụng cho khách hàng.

59. THỰC TẬP CUỐI KHOÁ

Thực tập cuối khoá là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ bậc đại học ngành Luật Kinh tế. Học phần này giúp người học: (i) tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; (ii) vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập; (iii) kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Học phần nhằm giúp người học: Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập; Mô tả được (những) quy trình nghiệp vụ cụ thể/quy trình pháp lý hoặc quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp tại đơn vị thực tập; Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo; Tổng hợp và trình bày được kết quả hoạt động/hiệu quả hoạt động của đơn vị trong thời gian gần nhất; Phát triển khả năng kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

60. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Học phần khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế là môn học tổ chức vào học kỳ cuối sau khi người học đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế nhằm mục đích giúp người học phát triển ý tưởng nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; giúp người học tiếp cận được khối lượng kiến thức lý thuyết đã học dưới góc nhìn thực tiễn, người học có thể hệ thống lại kiến thức đã học, vận dụng vào công trình nghiên cứu cụ thể, giúp họ hình thành và hoàn thiện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tổ chức công việc; có thái độ làm việc chuyên nghiệp, nghiêm túc, liêm chính khoa học, biết tôn trọng giá trị khoa học của những kiến thức pháp luật; có thái độ tôn trọng pháp luật và giáo dục, hướng dẫn người khác tôn trọng pháp luật



PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

A blue ink signature of TS. Nguyễn Thị Thu Vân.

TS. Nguyễn Thị Thu Vân